

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:127/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2018
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số:407/2018/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:120/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số:86/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1999 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã S, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hoài L, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã S, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 8 năm 2018, bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N trình bày: Chị và anh L cưới nhau vào năm 2017 do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Tiền Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56/2017 ngày 16 tháng 8 năm 2007. Khi mới cưới về nhà chồng sống chung thì chị N mới biết chị và anh L không hòa hợp, anh L không có tình cảm với chị. Chị N và anh L đã ly thân từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 đến nay. Nay chị N xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hoài L được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh vắng mặt

không lý do, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N có đơn khởi kiện đối với anh L. Anh L có địa chỉ tại ấp 6, xã S, huyện B nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N xin ly hôn với anh L, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh Lê Hoài L vắng mặt không có lý do dù được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N và anh L.

[4]. Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L cưới nhau vào năm 2017 trên cơ sở do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân là hợp pháp. Chị N và anh L sống chung với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh L không có tình cảm với chị N nên đã ly thân từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 đến nay. Đối với anh L từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay anh vắng mặt không lý do, cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong thời gian ly thân chị N và anh L không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh L.

Về con chung: Không có, nên không xem xét

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí chị Lê Thị Tuyết N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết N. Chị Lê Thị Tuyết N được ly hôn với anh Lê Hoài L.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết N chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 15927 ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên chị N đã thực hiện xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Cai Lậy;
- Chi cục THADS H. Cai Lậy;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

Nguyễn Văn Thừa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cai Lậy, ngày 15 tháng 10 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 10 năm 2018.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thừa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số /2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp “ly hôn” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1999 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã S, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hoài L, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã S, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: tranh chấp “Ly hôn”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

2. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

3. Quyết định xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết N. Anh Lê Thị Tuyết N được ly hôn với anh Lê Hoài L.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết N chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 15927 ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên chị N đã thực hiện xong án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc 15 giờ 30 phút ngày 15 tháng 10 năm 2018, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

